Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8482.20.00

Mã HS	8482.20.00
Mô tả hàng hóa	Ổ bi hoặc ổ đũa / - Ổ đũa côn, kể cả cụm linh kiện vành côn và đũa côn
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 05:12:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84822000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14603
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14603
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14603
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13956
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13897
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13897
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13897
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13897
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13897
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13897
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13951
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13951

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13951
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13951
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13951
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13951
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13952
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13952
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13952
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13952
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13952
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13952
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13955
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13903
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13911
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13911
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13911
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13911
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13911
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13911
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13942
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13942
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13942
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13942
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13942
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13942
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13997
VCFTA	2023	2023	3	VC!E13997

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13997
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13997
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13997
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13997
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13974
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13974
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13974
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13974
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13974
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13974
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D13974
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E13974
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F13974
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G13974
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H13974
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13974
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13989
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13989
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13989
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13989
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13989
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13989
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13988
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13988
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13988
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13988

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13988
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13988
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13968
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13968
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13968
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13968
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13968
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13968
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13968
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13976
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13976
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13976
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13976
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13976
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13976
RCEP B	2022	2022	0	B!D13976
RCEP B	2023	2023	0	B!E13976
RCEP B	2024	2024	0	B!F13976
RCEP B	2025	2025	0	B!G13976
RCEP B	2026	2026	0	B!H13976
RCEP B	2027	2027	0	B!I13976
RCEP C	2022	2022	0	C!D13976
RCEP C	2023	2023	0	C!E13976
RCEP C	2024	2024	0	C!F13976
RCEP C	2025	2025	0	C!G13976
RCEP C	2026	2026	0	C!H13976

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13976
RCEP D	2022	2022	0	D!D13975
RCEP D	2023	2023	0	D!E13975
RCEP D	2024	2024	0	D!F13975
RCEP D	2025	2025	0	D!G13975
RCEP D	2026	2026	0	D!H13975
RCEP D	2027	2027	0	D!I13975
RCEP E	2022	2022	0	E!D13979
RCEP E	2023	2023	0	E!E13979
RCEP E	2024	2024	0	E!F13979
RCEP E	2025	2025	0	E!G13979
RCEP E	2026	2026	0	E!H13979
RCEP E	2027	2027	0	E!I13979
RCEP F	2022	2022	0	F!D13976
RCEP F	2023	2023	0	F!E13976
RCEP F	2024	2024	0	F!F13976
RCEP F	2025	2025	0	F!G13976
RCEP F	2026	2026	0	F!H13976
RCEP F	2027	2027	0	F!I13976
VIFTA	2024	2024	2,6	VI!F12982
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G12982
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H12982
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I12982

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8482.20.00 có mã Chương 98 tương ứng 9818.27.00 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- Ổ đũa côn, kể cả cụm linh kiện vành côn và đũa côn	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8482.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8482.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14603), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.